

Bản án số: 33/2019/DS-ST

Ngày: 20-9-2019

V/v “Tranh chấp đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị The

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Hồng Hải

Ông Trần Văn Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2019/TLST-DS ngày 26/6/2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-DS ngày 26/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm T, sinh năm 1981. Địa chỉ: 139 ấp R, xã B, huyện H, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Ngô L, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp 1, xã V, huyện H, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH B. Địa chỉ: Tòa nhà De, 149-151 Nguyễn Văn T, phường 11, quận P, TP. HCM.

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/6/2019 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm T trình bày:

Ông là nhân viên bán bảo hiểm của Công ty TNHH B. Vào tháng 7 năm 2018 ông Ngô L có ký kết hợp đồng mua bảo hiểm do ông giới thiệu, gói bảo hiểm

thời hạn 15 năm, mỗi năm đóng 18.000.000 đồng. Thời hạn rút bảo hiểm ít nhất phải đủ 04 năm trở lên. Ông L ký hợp đồng là tự nguyện, lúc đó có bà Đoàn Thị Phương L - Trưởng phòng, ông Lê Đình K (bạn ông) và vợ ông L. Do ông L mới mua xe không có tiền đóng bảo hiểm nên ông có gợi ý đóng bảo hiểm giúp cho anh L số tiền 18.000.000 đồng và thỏa thuận sau 03 tháng sẽ trả lại. Tuy nhiên từ khi ký hợp đồng mua bảo hiểm đến nay là 10 tháng ông L không trả tiền cho ông.

Tại phiên tòa, ông thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông Ngô L trả số tiền 15.000.000 đồng.

Bị đơn ông Ngô L trình bày: Qua lời trình bày của nguyên đơn ông không thống nhất. Trong năm 2018 ông Phạm T nhiều lần đến nhà ông để mời chào mua bảo hiểm nhưng ông không mua. Vào tháng 7 năm 2018 ông T, cùng bà L là Trưởng phòng Công ty B tiếp tục đến nhà ông giới thiệu, tư vấn ông mua bảo hiểm. Trong quá trình tư vấn ông T, bà L có trình bày mua bảo hiểm trong hạn 01 tháng nếu không có tiền đóng thì hợp đồng sẽ tự hủy, do tin tưởng ông T nên ông có ký hợp đồng mua bảo hiểm. Sau khi ký hợp đồng được 01 tháng do không có tiền đóng bảo hiểm nên ông không tham gia nữa, hủy hợp đồng gửi hồ sơ lại cho ông T nhưng ông T không nhận.

Sau một thời gian (cụ thể ông không nhớ) ông T có điện thoại cho ông nói choàng tiền giúp bảo hiểm số tiền 18.000.000 đồng, việc ông T đóng tiền giúp ông là ông T tự đóng chứ không có thỏa thuận nào về việc ông yêu cầu ông T đóng thay cho ông hay cho ông mượn tiền. Sau khi ông T đóng giúp tiền cho ông cũng không có sự thỏa thuận nào về việc ông trả lại cho ông T số tiền 18.000.000 đồng sau thời gian 03 tháng hay qua tết cho ông T như ông T trình bày. Đối với phiếu thu tiền 18.000.000 đồng ông thống nhất là chữ ký của ông nhưng khi ký hợp đồng thì ông ký chứ không hiểu là ký giấy đóng tiền do ông không nộp tiền.

Tại phiên tòa, ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu ông trả số tiền 15.000.000 đồng.

Tại Công văn số 637 ngày 29/8/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH B trình bày:

Ông Ngô L là bên mua bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm số 2654969, hợp đồng bảo hiểm số 2654969 có hiệu lực kể từ ngày 23/7/2018 và có phí bảo hiểm hàng năm là 18.000.000 đồng. Ông L đã nộp phí bảo hiểm 18.000.000 đồng qua đại lý bảo hiểm là ông Phạm T. Công ty đã nhận được khoản phí bảo hiểm này vào ngày 23/7/2018. Tính đến ngày 29/8/2019, hợp đồng bảo hiểm số 2654969 vẫn còn hiệu lực do vẫn trong thời gian gia hạn đóng phí. Theo quy định của Công ty, khi tư vấn bảo hiểm, đại lý bảo hiểm phải tư vấn tất cả các quy định trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm, trong đó có quy định về chấm dứt hợp đồng bảo hiểm. Để có cơ sở phát hành hợp đồng bảo hiểm và phát sinh trách nhiệm bảo hiểm theo Điều 15 Luật Kinh doanh bảo hiểm, bên mua bảo hiểm phải nộp đủ phí bảo hiểm cho định kỳ phí đầu tiên cùng với giấy yêu cầu bảo hiểm đã ký. Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày thu phí bảo hiểm, tư vấn tài chính có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền phí bảo hiểm đã thu cùng với phiếu thu tiền về Công ty.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn: Tất cả đều tuân theo pháp luật tố tụng, riêng nguyên đơn chưa chấp hành đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quá trình thụ lý vụ án: Việc Tòa án tiến hành thụ lý yêu cầu của nguyên đơn là đảm bảo có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên xác định hợp đồng vay tài sản là chưa chính xác, cần đề nghị xác định lại mối quan hệ tranh chấp đòi tài sản theo quy định Điều 166 Bộ luật Dân sự và tiến hành thụ lý theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, việc thu thập chứng cứ của Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay xác định như sau:

Tháng 7 năm 2018 ông T là đại lý của Công ty B có ký hợp đồng bán bảo hiểm nhân thọ cho ông Ngô L gói bảo hiểm 15 năm, mỗi năm đóng 18.000.000 đồng. Ông L đã ký hợp đồng và ký vào biên lai nộp tiền nhưng chưa đưa tiền cho ông T, ông T đã nộp thay cho ông L, nay ông T khởi kiện yêu cầu ông L trả 18 triệu. Tại phiên tòa ông T thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu ông L trả 15.000.000 đồng. Ông L thừa nhận chữ ký trong hợp đồng bảo hiểm và biên lai nộp tiền cũng do ông ký, và ông cũng chưa đóng 18.000.000 đồng cho ông T, nhưng ông không đồng ý trả cho ông T 15.000.000 đồng do ông không có thỏa thuận ông T đóng thay cho ông, nhưng theo lời trình bày của các đương sự trước khi ký hợp đồng bảo hiểm ông T có nói với ông L là chưa có tiền đóng tháng sau đóng cho ông T cũng được, mặc khác các bên thừa nhận khi ký hợp đồng xong khoảng 3 ngày sau ông T giao hợp đồng cho ông L giữ 01 bản, trong hợp đồng bảo hiểm có nêu rõ: “Quý khách có thời hạn 21 ngày để xem xét lại hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản trong sản phẩm trong toàn bộ hợp đồng này”, nhưng khi nhận hợp đồng trong thời hạn 21 ngày ông L không có ý kiến về việc điều chỉnh hay hủy hợp đồng, điều đó chứng tỏ ông L đã thừa nhận và để cho mặc nhiên hợp đồng có hiệu lực. Tại công văn số 637 ngày 28/9/2019 của Công ty B hợp đồng bảo hiểm nhân thọ của ông Ngô L hiện nay còn đang tồn tại. Vì vậy yêu cầu của ông T là có cơ sở.

Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 166, 574, 575, 576 Bộ luật Dân sự đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông L trả cho ông Hưng 15.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 26/6/2019 Tòa án thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn khẳng định đã choàng tiền bảo hiểm dù bị đơn nên đòi lại số tiền 18.000.000 đồng nên xác định lại quan hệ có tranh chấp là

đòi tài sản. Bị đơn ông Ngô L có nơi cư trú tại ấp 1, xã V, huyện H, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH B và người làm chứng ông Lê Đình T xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không ai yêu cầu áp dụng nên căn cứ Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không áp dụng các quy định về thời hiệu trong vụ án này.

[4] Về nội dung khởi kiện

Xét các tài liệu, chứng cứ chứng minh do nguyên đơn ông Phạm T cung cấp: Ông cung cấp phiếu thu tiền ngày 21/7/2018 thể hiện khách hàng là ông Ngô L với số tiền là 18.000.000 đồng để chứng minh cho việc đóng đủ tiền bảo hiểm với số tiền 18.000.000 đồng cho ông Ngô L được ông L thừa nhận là chữ ký của ông L.

Tuy nhiên, ông L cho rằng khi tư vấn bảo hiểm thì không có thỏa thuận ông mượn tiền để đóng bảo hiểm, còn việc ký hợp đồng bảo hiểm là do ông T tư vấn trong hạn 01 tháng không có tiền đóng thì hợp đồng sẽ tự hủy. Do ông không có tiền đóng nên nghĩ là hợp đồng bảo hiểm tự hủy nên ông không có trách nhiệm trả tiền cho ông T.

Tại công văn số 637 ngày 29/8/2019 Công ty TNHH B thể hiện ông Ngô Lg là bên mua bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm số 2654969, hợp đồng bảo hiểm số 2654969 có hiệu lực kể từ ngày 23/7/2018 và có phí bảo hiểm hàng năm là 18.000.000 đồng. Ông L đã nộp phí bảo hiểm 18.000.000 đồng qua đại lý bảo hiểm là ông Phạm T. Công ty đã nhận được khoản phí bảo hiểm này vào ngày 23/7/2018. Tính đến ngày 29/8/2019, hợp đồng bảo hiểm số 2654969 vẫn còn hiệu lực do vẫn trong thời gian gia hạn đóng phí.

Ông Ngô L thừa nhận đã ký hợp đồng bảo hiểm số 2654969 vào ngày 21/7/2018, có vợ ông là bà Đỗ Thị M (vợ ông L) và ông Lê Đình T làm chứng và đang giữ hợp đồng do ông T giao ngày 24/7/2018 đã thể hiện ý chí tự nguyện của ông L khi ký kết hợp đồng bảo hiểm. Trong hợp đồng bảo hiểm ghi rõ thời gian xem xét lại hợp đồng là 21 ngày, nhưng ông L không tiến hành các thủ tục để xem xét hủy hợp đồng, không có ý kiến gì về hợp đồng. Mặc dù ông T không chứng minh được có việc thỏa thuận ông T cho ông L mượn 18.000.000 đồng để đóng bảo hiểm. Nhưng do ông L đã ký hợp đồng bảo hiểm, ông T đã thực hiện công việc nộp thay ông L 18.000.000 đồng để hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực pháp lý, ông L được bảo vệ quyền lợi của mình như đã nêu trong hợp đồng. Ông Phạm T chỉ yêu cầu ông Ngô L trả 15.000.000 đồng nên ông L có nghĩa vụ trả cho ông Phạm T số tiền 15.000.000 đồng là phù hợp với Điều 166 Bộ luật Dân sự. Nên yêu cầu khởi kiện của ông Phạm T được chấp nhận và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[5] Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn lại tiền án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 184, 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 166, 574, 575, 576 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm T về việc yêu cầu ông Ngô L trả 15.000.000 đồng.

Buộc ông Ngô L phải trả cho ông Phạm T số tiền 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Buộc ông Ngô L phải nộp 750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn lại cho ông Phạm T 450.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 26/6/2019 theo biên lai thu tiền số 0004486.

Báo cho các đương sự có mặt được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị The

